



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Nguyễn Quang Lâm

[Handwritten signature]

**ĐỔI MỚI CÁC HOẠT ĐỘNG
KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI**

[Vertical stamp or text on the left margin]

Chuyên ngành : Kinh tế, quản lý và kế hoạch hóa
Kinh tế quốc dân
(Kinh tế đối ngoại)

Mã số : 5.02.05

L 84244

**TÓM TẮT
LUẬN ÁN PHÓ TIẾN SĨ KHOA HỌC KINH TẾ**

HÀ NỘI 1994

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN HÀ NỘI

Những người hướng dẫn khoa học

1- Lê Văn Viện : GS - TS - Giám đốc Sở Kinh tế Đối ngoại Hà nội

2- Tô Xuân Dân : PGS - PTS - Chủ nhiệm Bộ môn kinh tế đối ngoại
Trường Đại học KTQD

Người nhận xét 1 :

Người nhận xét 2 :

Cơ quan nhận xét :

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án Nhà nước họp tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân vào hồi giờ ngày tháng năm 1994.

Có thể tìm hiểu luận án tại :

- Thư viện Quốc gia.
- Thư viện trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

LỜI MỞ ĐẦU

1- Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh chung của cả nước, hoạt động kinh tế đối ngoại (KTĐN) của Thủ đô Hà nội mấy năm gần đây bước đầu có sự khởi sắc. Song thành tựu đạt được chưa tương xứng với vị trí và tiềm năng của nó. Do vậy việc đổi mới hoạt động KTĐN của Hà nội, đưa nó thành mũi nhọn trên cơ sở một nền tảng vững chắc là việc làm hết sức cấp bách. Song việc đổi mới nó dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn nào, theo phương hướng, bước đi và giải pháp ra sao ? Đây là câu hỏi được đặt ra từ nhiều năm nay. Đã có một số công trình nghiên cứu xung quanh vấn đề này, nhưng phần lớn chỉ nghiên cứu từng bộ phận riêng lẻ hoạt động KTĐN của Thủ đô. Cho đến nay hầu như chưa có một công trình nào tiến hành phân tích một cách toàn diện và có hệ thống cả về lý luận lẫn thực tiễn đối với hoạt động KTĐN của Thủ đô. Đó là lý do lựa chọn đề tài "Đổi mới các hoạt động kinh tế đối ngoại của Thủ đô Hà nội".

2- Mục đích, nhiệm vụ và giới hạn nghiên cứu

Mục đích của luận án là thông qua đánh giá thực trạng các hoạt động KTĐN của Hà nội, vận dụng hệ thống những lý luận, nhất là lý thuyết lợi thế so sánh mà luận giải có căn cứ khoa học việc đổi mới các hoạt động KTĐN, xây dựng định hướng, kiến nghị các giải pháp cần thiết để phát triển các hoạt động KTĐN của Thủ đô trong khoảng 15 năm tới. Luận án có nhiệm vụ :

- Làm rõ những cơ sở lý luận và thực tiễn của việc đổi mới hoạt động KTĐN của Hà nội.

- Xây dựng định hướng chung và nhiệm vụ chủ yếu trong sự phát triển KTDN phù hợp với vai trò ngày càng quan trọng của Hà nội với tư cách là Thủ đô của cả nước.

- Kiến nghị các giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện định hướng và nhiệm vụ phát triển KTDN của Hà nội trong thời gian tới.

Luận án giới hạn phạm vi nghiên cứu ở lĩnh vực KTDN trên địa bàn Hà nội thuộc tầm quản lý của thành phố có sự liên hệ chặt chẽ với khu vực tam giác phía Bắc (Hà nội - Hải phòng - Quảng ninh) và vùng đồng bằng Bắc bộ. Những kiến nghị về giải pháp đưa ra chủ yếu ở tầm quản lý vĩ mô gắn với chức năng quản lý của Sở KTDN Hà nội. Luận án không đề cập đến một số hoạt động KTDN không thuộc tầm quản lý của thành phố Hà nội.

3- Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận án sử dụng các phương pháp tiếp cận hệ thống kết hợp phương pháp phân tích lợi thế so sánh, các phương pháp thống kê trong quá trình nghiên cứu.

4- Những vấn đề mà luận án đặc biệt quan tâm

- Luận án làm rõ nội dung cấu thành, vai trò của KTDN và mối quan hệ chặt chẽ giữa nó với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở Thủ đô Hà nội.

- Vận dụng các lý thuyết về lợi thế so sánh, luận án đánh giá một cách hệ thống và tương đối toàn diện thực trạng các nguồn lực, vạch ra sự cần thiết phải đổi mới và khả năng phát triển KTDN của Hà nội trong thời gian tới.

- Xây dựng định hướng chung trong việc đổi mới KTDN của Thủ đô với cơ cấu ngành, cơ cấu công nghệ, cơ cấu lãnh thổ dưới góc độ là cái gốc cho sự phát triển KTDN của Hà nội trong khoảng 15 năm tới.

- Kiến nghị về chính sách và giải pháp chủ yếu cần thiết gắn chặt với chức năng quản lý vĩ mô của Sở KTĐN nhằm đổi mới hoạt động KTĐN Hà nội, mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả của nó.

5- Kết cấu luận án

Tên luận án : "Đổi mới các hoạt động kinh tế đối ngoại của Thủ đô Hà nội".

Ngoài phần mở đầu, kết luận, 5 phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, luận án bao gồm 3 chương :

Chương I : KTĐN với sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của Thủ đô Hà nội.

Chương II : Thực trạng và lợi thế so sánh trong phát triển KTĐN của Thủ đô Hà nội.

Chương III : Định hướng chung và biện pháp chủ yếu để đổi mới các hoạt động KTĐN của Thủ đô Hà nội.

Chương thứ nhất

KINH TẾ ĐỐI NGOẠI VỚI SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI.

I- NHỮNG CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN KTĐN

I.1- Lô gích và lịch sử hình thành và phát triển KTĐN.

I.1.1- Thông qua phương pháp kết hợp giữa lô gích với lịch sử, luận án cho rằng : Mặc dù hoạt động KTĐN của mỗi quốc gia có thể có đặc điểm riêng, song nhìn chung đều lấy trình độ xã hội hóa sản xuất mà trực tiếp là sự phân công lao động làm điểm xuất phát và đều trải qua các tiến trình khách quan là thông qua quan hệ hàng hóa - tiền tệ, phá vỡ kết cấu kinh tế

hiện vật, thực hiện tự do hóa kinh tế ; thông qua công nghiệp hóa, thúc đẩy quá trình chuyển hóa mọi yếu tố của sản xuất thành hàng hóa, hình thành nền kinh tế dân tộc thống nhất : thực hiện sự phân công lao động quốc tế dựa trên quy luật lợi thế so sánh, thông qua "mở cửa" hình thành nền KTĐN.

Quá trình hình thành nền KTĐN cũng là quá trình tạo dựng các quan hệ kinh tế quốc tế. Quan hệ kinh tế quốc tế được hiểu là tổng thể các mối quan hệ vật chất và tài chính, các mối quan hệ kinh tế và khoa học - công nghệ được hình thành giữa các quốc gia với nhau, giữa các quốc gia với các tổ chức kinh tế quốc tế dựa trên sự phân công lao động quốc tế.

I.1.2- Nêu sự hình thành và phát triển mối quan hệ kinh tế quốc tế nói chung và lĩnh vực KTĐN của mỗi quốc gia lấy sự phân công lao động quốc tế làm điểm xuất phát, thì đến lượt nó phân công lao động quốc tế và thương mại quốc tế lại lấy Luật lợi thế so sánh làm cơ sở.

Luật lợi thế so sánh được thể hiện trong nhiều lý thuyết :

- Lý thuyết lợi thế tuyệt đối của Adam Smith (1723-1790)
- Lý thuyết lợi thế tương đối của David - Ricardo (1772-1825)
- Lý thuyết năng suất và hiệu ích giữa dân tộc và quốc tế của C.Marx (1818-1883)
- Lý thuyết lợi thế so sánh của một số nhà kinh tế : G.Haberler, Heckscher - Ohlin, Stolper - Samuelson, Rybczynski ... với sự giải thích lợi thế tương đối theo lý thuyết chi phí cơ hội, theo sự cân bằng các yếu tố sản xuất và giá cả của chúng.

Luận án cho rằng : Mặc dù các lý thuyết nói trên có sự khác nhau về phương pháp tiếp cận, về khái niệm được sử dụng, về cách lý giải cụ thể, song chúng đều xoay quanh vấn đề cơ bản là : Khẳng định sự tồn tại khách quan của lợi thế so sánh và vai trò to lớn của nó trong thương mại quốc tế. Chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu để vận dụng hạt nhân hợp lý của Luật lợi

thể so sánh như một trong những căn cứ để đổi mới các hoạt động kinh tế đối ngoại trên phạm vi toàn quốc cũng như một địa phương, không những đề xây dựng cơ cấu xuất - nhập khẩu hợp lý mà cả lựa chọn các dự án đầu tư có hiệu quả.

I.1.3- Qua phân tích quá trình hình thành và phát triển KTĐN, luận án làm rõ nội dung của nó.

KTĐN là một lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân, bao gồm các hoạt động kinh tế rất phong phú và đa dạng, thể hiện phần tham gia của nền kinh tế của mỗi quốc gia vào sự phân công lao động quốc tế và thương mại quốc tế, đó là sự liên kết có chọn lọc giữa nền kinh tế trong nước với nền kinh tế thế giới nhằm khai thác và phát huy triệt để lợi thế của nền kinh tế quốc gia.

Cho đến nay nội dung chủ yếu của KTĐN bao gồm : Ngoại thương, sự hợp tác về kinh tế và khoa học - công nghệ với bên ngoài. sự hợp tác và đầu tư quốc tế, xuất - nhập khẩu sức lao động, các hoạt động dịch vụ thu ngoại tệ ...

I.2- Đặc điểm của nền kinh tế thế giới và sự tác động của chúng tới các hoạt động kinh tế đối ngoại.

I.2.1 - Luận án phân tích những đặc điểm của nền kinh tế thế giới có tác động mạnh mẽ đối với việc xây dựng định hướng và các giải pháp phát triển KTĐN của Việt nam nói chung, của Hà nội nói riêng : Sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ đưa tới sự đột biến trong tăng trưởng kinh tế, sự biến đổi sâu sắc về cơ cấu kinh tế trong mỗi quốc gia và đưa xã hội loài người bước sang một nền văn minh mới.

I.2.2- Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đang trở thành khu vực phát triển năng động nhất, có tốc độ tăng trưởng cao và ổn định, có vai trò ngày càng quan trọng, có sức hút kinh tế mạnh mẽ. Điều đó tạo thuận lợi

cho việc phát triển những quan hệ kinh tế quốc tế mới, tạo cơ hội cho hợp tác khu vực ngày càng phát triển.

I.2.3- Tính toàn cầu hóa và tính đa dạng hóa đòi hỏi mỗi quốc gia phải tham gia tích cực vào phân công lao động quốc tế và trao đổi thương mại quốc tế.

I.2.4- Thế giới chuyển từ đối đầu sang đối thoại, từ sử dụng các biện pháp quân sự là chủ yếu sang các biện pháp hợp tác và phát triển là chủ yếu. Từ đó làm xuất hiện các hình thức hợp tác kinh tế, hợp tác khoa học và công nghệ, hợp tác đầu tư phong phú và đa dạng.

I.2.5- Phân công lao động quốc tế diễn ra với phạm vi ngày càng rộng lớn, phát triển theo chiều sâu, các luồng đầu tư đan xen lẫn nhau, vai trò của các Công ty xuyên quốc gia ngày càng quan trọng.

I.2.6- Thị trường thế giới có những đặc điểm mới về tốc độ phát triển cao của thương mại "vô hình", sự thay đổi sâu sắc cơ cấu mặt hàng, mở rộng phạm vi và phương thức cạnh tranh, việc đổi mới mẫu mã, đổi mới công nghệ diễn ra liên tục.

Các đặc điểm nói trên cần phải được quán triệt trong việc đổi mới các hoạt động KTĐN của Thủ đô.

I.3- Các quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt nam trong việc phát triển KTĐN.

Luận án đề cập tới các quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt nam làm cơ sở chung cho việc đổi mới các hoạt động KTĐN ở Việt nam nói chung, ở Thủ đô Hà nội nói riêng.

I.3.1- Trên cơ sở xử lý thỏa đáng mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị, đưa hoạt động KTĐN phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

I.3.2- Phát huy ý chí tự lực, tự cường, thông qua chính sách "mở cửa", kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, khai thác các nguồn lực bên ngoài để nhân lên các sức mạnh bên trong.

I.3.3- Thực hiện đa phương hóa quan hệ thị trường và đối tượng hợp tác, đa dạng hóa các hình thức KTĐN, mở rộng các đối tác và diện bạn hàng sao cho phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới ; trên nguyên tắc bình đẳng và các bên cùng có lợi.

I.3.4- Đổi mới cơ chế quản lý KTĐN phù hợp với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

II- VỊ TRÍ CHIẾN LƯỢC CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI VÀ VAI TRÒ CỦA KTĐN

Luận án phân tích vị trí chiến lược của Thủ đô Hà nội dưới góc nhìn của hoạt động KTĐN :

II.1.1- Hà nội là trung tâm chính trị của cả nước.

II.1.2- Hà nội là trung tâm kinh tế lớn của cả nước, là địa bàn quan trọng của tam giác kinh tế phía Bắc, có sức hấp dẫn đối với nước ngoài.

II.1.3- Hà nội là trung tâm văn hóa, khoa học - công nghệ và du lịch.

Từ đó luận án khẳng định vai trò của KTĐN đối với nền kinh tế-xã hội Thủ đô.

II.2- Vai trò của KTĐN đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

Hoạt động KTĐN luôn có vai trò to lớn đối với mỗi quốc gia trong sự trường tồn và phát triển của nó. Từ lâu những người theo chủ nghĩa trọng thương coi ngoại thương có vai trò như là "máy bơm" trong thời kỳ tích lũy nguyên thủy của CNTB. Ngày nay ngoại thương là một nội dung trong nhiều nội dung quan trọng và là hình thức của hoạt động KTĐN. Bởi vậy, khi luận giải vai trò của KTĐN hiện nay cần được xem xét một cách toàn diện với

cách nhìn hiện đại và năng động hơn nhiều. Luận án phân tích vai trò của KTĐN gắn với đặc điểm của Hà nội - Thủ đô của cả nước.

II.2.1- KTĐN tạo điều kiện khai thác triệt để lợi thế so sánh của đất nước mà Hà nội là một trung tâm lớn của cả nước.

II.2.2- KTĐN thu hút các nguồn lực từ bên ngoài (vốn, công nghệ mới, phương pháp quản lý tiên tiến), phát huy và nhân gấp bội các nguồn lực bên trong của Hà nội và của cả nước.

II.2.3- KTĐN tạo điều kiện làm biến đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có hiệu quả và đẩy nhanh tốc độ phát triển nền kinh tế trong nước.

II.2.4- KTĐN góp phần sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên, tạo thêm việc làm cho dân cư trong độ tuổi lao động mà Hà nội đang chịu sức ép lớn.

Hoạt động KTĐN góp phần to lớn vào việc phát triển kinh tế - xã hội, làm cho Hà nội vươn lên xứng đáng với vị trí Thủ đô là trung tâm chính trị, kinh tế, khoa học - công nghệ, văn hóa và du lịch.

Chương thứ hai

THỰC TRẠNG VÀ LỢI THẾ SO SÁNH TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI

I- ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG KINH TẾ-XÃ HỘI CỦA HÀ NỘI, nhằm tạo nên một cái nhìn tổng quan, một cơ sở xuất phát cho việc đánh giá hoạt động KTĐN.

II- THỰC TRẠNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CỦA HÀ NỘI.

II.1- Đánh giá chung :

Các hoạt động KTĐN của Hà nội trong thời gian gần đây đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ : đạt tốc độ tăng trưởng đáng kể với sự đa dạng hóa các loại hình, thị trường và đối tượng tham gia, góp phần quan trọng vào việc cấu trúc lại cơ cấu ngành kinh tế và tăng tốc độ phát triển kinh tế, cải thiện cán cân thương mại, mở cửa nền kinh tế, làm đẹp môi trường du lịch của Thủ đô.

Tuy nhiên, nếu phân tích một cách sâu hơn sẽ thấy trên cả 4 lĩnh vực của hoạt động KTĐN, đều bộc lộ nhiều yếu kém và hạn chế. Điều đó thể hiện ở sự phát triển hợp tác đầu tư với nước ngoài còn chậm, kim ngạch xuất - nhập khẩu, du lịch có tăng trưởng, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh sự phát triển kinh tế của Thủ đô. Cho đến nay Hà nội chưa có được những mặt hàng chủ lực để xuất khẩu. Kết cấu hạ tầng cho phát triển du lịch yếu kém. Tổ chức mạng lưới xuất - nhập khẩu và du lịch chưa hợp lý. Hoạt động KTĐN của Hà nội về nhiều mặt còn thấp so với thành phố Hồ Chí Minh.

Có thể nói những thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng to lớn của Thủ đô với tư cách là trung tâm kinh tế của cả nước.

II.2- Nguyên nhân :

Ngoài những nguyên nhân khách quan do hậu quả nặng nề của mô hình công nghiệp hóa cổ điển và cơ chế kế hoạch hóa tập trung : sự biến động đột ngột của thị trường khối SEV và sự cấm vận của Mỹ đối với Việt nam, luận án nhấn mạnh những nguyên nhân chủ quan sau đây :

II.2.1- Hà nội chậm có chủ trương, biện pháp và những đòn bẩy kinh tế hữu hiệu để khơi dậy mọi nguồn lực to lớn có truyền thống ở trình độ cao so với các tỉnh tham gia sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu. Rất đáng tiếc là chưa thu hút tiềm năng của các tỉnh lân cận của đồng bằng Bắc bộ, trung du và miền núi phía Bắc mà Hà nội có lợi thế là trung tâm.

II.2.2- Chậm đổi mới về nhận thức, về nề nếp hành chính và lề lối làm việc, nên chưa tạo ra được môi trường thuận lợi cho việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài và thúc đẩy các hoạt động KTĐN khác phát triển.

II.2.3- Điều lo ngại nhất, đồng thời cũng là nguyên nhân rất quan trọng gây ra sự yếu kém và hạn chế hoạt động KTĐN của Hà nội là trình độ của cán bộ quản lý Nhà nước, quản lý kinh doanh, đặc biệt là trong liên doanh với nước ngoài còn thấp so với yêu cầu. Đã vậy, bộ máy còn quá cồng kềnh, kém hiệu lực.

III- LỢI THẾ SO SÁNH VÀ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN KTĐN CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI

III.1- Các yếu tố của lợi thế so sánh

Hiệu quả hoạt động KTĐN của Hà nội phụ thuộc vào khả năng khai thác và phát huy các yếu tố lợi thế so sánh. Hà nội có các yếu tố lợi thế sau đây .

III.1.1- Nguồn lao động và tư chất con người Hà nội. Với trên 6000 cán bộ có trình độ trên đại học, 12 vạn người có trình độ đại học và cao đẳng, 11 vạn cán bộ có trình độ trung cấp kỹ thuật (chiếm 68,6% cán bộ trên đại học của cả nước, 90% so với đồng bằng sông Hồng ; chiếm 17,6% số cán bộ tốt nghiệp đại học trong cả nước).

III.1.2- Hà nội có vị trí thuận lợi về địa lý, nơi hội tụ và lan tỏa giao lưu ra bốn phương, một ưu thế độc đáo của Thủ đô so với bất kỳ địa phương nào trong cả nước.

III.1.3- Các nhân tố về lịch sử và truyền thống của Hà nội bao gồm : các nghề truyền thống, các di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh, các món ăn cổ truyền, các kiến trúc đặc sắc và đa dạng ...

Những nét độc đáo nói trên không chỉ hấp dẫn đối với người nước ngoài, mà ngay cả người Việt nam.

III.2- Một số phương pháp xác định lợi thế so sánh trong một số ngành hàng xuất khẩu và dịch vụ thu ngoại tệ.

Có nhiều phương pháp khác nhau, luận án sử dụng hai phương pháp tương đối phù hợp với khả năng cho phép :

III.2.1- Phương pháp chuyên gia

Nội dung của phương pháp này là dựa vào việc tích lũy kinh nghiệm và khả năng tư duy của các chuyên gia có bề dày trong hoạt động KTĐN, một số đang ở vị trí chủ chốt trong lĩnh vực KTĐN. Các chuyên gia này cho điểm từ 0 đến 10 trên phiếu điều tra có nêu các nhóm hàng xuất khẩu, dịch vụ thu ngoại tệ và các yếu tố lợi thế so sánh.

Tác giả luận án đã phát đi 30 phiếu điều tra và thu về 30 phiếu. Qua phân tích và tổng hợp kết quả của việc lấy ý kiến chuyên gia cho thấy nhóm hàng may mặc, thủ công mỹ nghệ, điện tử, điện gia dụng, lắp ráp phương tiện vận tải được đánh giá tương đối đồng đều và ở mức chấp nhận được theo các khía cạnh kinh tế và xã hội ; Dịch vụ cho thuê nhà thu ngoại tệ, dịch vụ cảng hàng không đạt lợi thế khá cao.

Diễn trung bình qua so sánh với một số tỉnh và thành phố lân cận được phản ánh ở biểu sau :

(Xem biểu 1 trang sau)

Tuy nhiên, phương pháp chuyên gia có nhược điểm là độ chính xác chưa cao vì nó phụ thuộc vào nhận thức chủ quan của từng chuyên gia cho nên cần được kết hợp với các phương pháp khác.

II.2.2- Phương pháp phân tích tỷ suất lợi nhuận

Phương pháp này nghiên cứu một số mặt hàng xuất khẩu hoặc thay thế hàng nhập khẩu, tiến hành tính tỷ suất lợi nhuận thực tế của chúng. Tỷ suất lợi nhuận càng cao, thể hiện hiệu quả kinh tế càng lớn, phản ánh rõ nét mặt hàng có lợi thế so sánh. Có các bước :

**Biểu 1 : TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA CHUYÊN GIA THEO SỰ
SO SÁNH VỚI CÁC TỈNH LÂN CẬN**

Nhóm mặt hàng	Hà nội	Hải Phòng	Quảng Ninh	Thái Bình	Hà Bắc
1	2	3	4	5	6
Nhóm A :					
1- Hàng may	9.00	6.79	5.33	4.67	5.20
2- Hàng dệt	7.67	9.63	4.60	5.67	4.67
3- Bút tất	7.33	5.13	4.33	3.87	3.27
4- Giày dép	7.13	7.60	3.93	3.35	4.93
5- Thủ công mỹ nghệ	6.40	6.73	3.87	4.80	4.80
6- Vải, túi xách cao cấp	7.07	7.60	3.80	3.33	3.87
Nhóm B					
1- Các đồ điện, điện tử gia dụng	8.27	7.00	5.53	2.93	3.33
2- Lắp ráp ô tô tải, ô tô du lịch	7.47	5.93	4.13	2.33	2.20
3- Lắp ráp xe máy	7.67	5.47	4.13	3.00	2.87
4- Computer	7.47	5.87	4.27	2.0	2.80
5- Chế tạo may	8.33	5.53	4.47	3.33	3.47
Nhóm C					
1- Bán hàng thu ngoại tệ, cửa hàng miễn thuế	8.87	7.47	5.80	2.13	1.87
2- Cho thuê nhà thu ngoại tệ	8.0	6.47	5.27	2.93	2.40
3- Thuê nhân viên làm việc trong các Văn phòng, Cơ NN	8.13	6.47	5.00	2.73	2.13
4- Dịch vụ cảng hàng không	7.20	5.27	4.00	1.40	1.53
Nhóm D					
- Lạc	6.67	5.60	4.33	6.00	6.33
- Hoa quả	5.00	5.00	4.20	5.60	5.33
- Nấm	5.47	4.80	4.00	5.67	5.40
Nhóm E					
+ Đội ngũ trí thức	9.13	7.33	4.80	3.67	3.73
+ Hạ tầng kỹ thuật	8.33	6.20	4.73	3.53	3.27
+ Chính sách ưu đãi của CP	8.27	6.80	5.07	4.73	4.27
+ Điện năng	8.27	7.53	6.67	5.67	5.53

a/ Lập phiếu thống kê ghi rõ giá thành xuất xưởng, giá bán và lãi thực, cho các mặt hàng điều tra.

b/ Căn cứ vào các luận chứng kinh tế kỹ thuật được phê chuẩn để xem xét các mặt hàng mới đang được triển khai.

c/ Tính tỷ suất lợi nhuận bằng cách chia tổng lãi ròng cho doanh thu tiêu thụ theo giá F.O.B. Sử dụng giá FOB tại Hải Phòng là hợp lý, vì nó phù hợp với điều kiện cụ thể và trên mức độ lớn đã mang yếu tố quốc tế.

Phương pháp này có ưu điểm : Nhìn thấy rõ hiệu quả kinh doanh, khả năng thu hồi vốn và tiếp tục mở rộng thị trường của từng loại hàng hóa. Tuy nhiên, nó cũng có nhược điểm là chưa phản ánh toàn diện các ngành hàng có lợi thế, còn phụ thuộc vào sự biến động của sức mua đồng tiền, giá cả, chính sách của Nhà nước và tài năng kinh doanh của các doanh nghiệp, cho nên nó cũng chỉ có ý nghĩa tham khảo.

Kết quả tính toán qua điều tra các loại hàng hóa và dịch vụ được phản ánh ở biểu sau :

**Biểu số 2 : TỶ SUẤT LỢI NHUẬN CỦA CÁC MẶT HÀNG
ĐƯỢC ĐIỀU TRA**

Đơn vị : %

TT	Mặt hàng doanh nghiệp	Tỷ suất lợi nhuận
01	Bao bì giấy Kraft, Plastic - Cty bao bì Hà nội	20.28
02	Tấm lợp kim loại - Liên doanh Aust Nam	19.44
03	Thiết bị lạnh và điều hòa nhiệt độ - XN lạnh LB	16.00
04	Đồ nhựa gia dụng - Xi nghiệp nhựa Hàm Rồng	15.80
05	Giày vải thể thao - XN giày vải Thượng Đình :	
	- Nếu theo hình thức mua nguyên liệu bàn TP	13.2
	- Nếu theo hình thức gia công	5.00
06	Quạt điện - XN Điện cơ Thông nhất	12.00
07	Đồ gỗ xuất khẩu - Artex Hà nội	10.60
08	Màn tyn - XN dệt 10-10	10.00
09	TV Setro xuất sang Tây âu - Cty Sel (TNHH)	9.50
10	Tất cao cấp trẻ em - XN dệt kim Hà nội	9.40
11	Quần áo bảo hộ lao động UNIMEX Hà nội	8.50
12	Quần áo may sẵn - Cty XNK HAPROSIMEX Hà nội	8.39
13	Áo len Acrilic và sợi len - XN len Mùa Đông	8.10
14	SP dệt kim và may mặc liên doanh 19/5 Vietsim-JVC (đến năm thứ 20 sẽ là 20%)	6.50
15	TV.JVC dùng cho nội địa (thay thế nhập khẩu Hanel)	6.50
16	Sơ mi nam - XN may 40	6.20

III.2.3- Nhận định mặt hàng có lợi thế của Hà nội

Từ những kết quả điều tra, kết hợp với những phân tích thực tế có thể thấy các nhóm và ngành hàng sau đây Hà nội có lợi thế có thể phát triển mạnh trong thời gian tới :

- Nhóm A may mặc, dệt, giày dép
- Nhóm B các đồ điện, điện tử gia dụng, lắp ráp ô tô, xe máy, computer ...
- Nhóm C Bán hàng thu ngoại tệ, cho thuê nhà, thuê nhân viên ...
- Nhóm D Nông sản, kể cả thu hút của vùng lân cận để chế biến XK .

IV- NHỮNG THUẬN LỢI, THÁCH THỨC VÀ VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI CÁC HOẠT ĐỘNG KTĐN CỦA HÀ NỘI

IV.1- Những thuận lợi

Luận án khái quát 4 thuận lợi của Hà nội so với các tỉnh và thành phố lân cận là : Môi trường đầu tư nước ngoài có sức hấp dẫn, có khả năng tiếp nhận các công nghệ cao, có thể xây dựng một số mặt hàng mũi nhọn, có khả năng đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ thu ngoại tệ.

IV.2- Những thách thức và vấn đề đặt ra cần giải quyết

Mặc dù có nhiều thuận lợi, còn có những thách thức sau đây đặt ra vấn đề cần giải quyết trong quá trình đổi mới KTĐN của Hà nội là :

- a/ Có trình độ kỹ thuật - công nghệ lạc hậu nhiều thế hệ.
- b/ Đã và đang chịu sức ép của một lượng lớn lao động chưa có việc làm, nhưng lại thiếu con người có năng lực và phẩm chất làm KTĐN.
- c/ Quỹ đất đai có hạn, vốn trong nước còn thiếu, không đủ để tiếp nhận và tiêu hóa vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp của nước ngoài một cách có hiệu quả.
- d/ Trình độ kết cấu hạ tầng còn rất lạc hậu.

e/ Thiếu và chậm có những quyết định trong quản lý Nhà nước và quản lý kinh doanh ...

Chương thứ ba

ĐỊNH HƯỚNG CHUNG VÀ NHỮNG BIỆN PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ ĐỔI MỚI CÁC HOẠT ĐỘNG KTĐN CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI

I- HỆ QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN KTĐN CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Từ sự phân tích về lý luận và thực tiễn hoạt động kinh tế đối ngoại của Hà nội, quán triệt những quan điểm chung của Đảng và Nhà nước, luận án xây dựng hệ quan điểm sau đây để quán triệt trong việc đổi mới sự phát triển KTĐN của Hà nội.

1- Phát triển KTĐN của Hà nội phải đặt trong mối quan hệ hữu cơ với việc phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và của Thủ đô, kết hợp giữa thị trường trong nước với ngoài nước. Chú trọng xây dựng cơ sở lâu dài cho KTĐN phát triển không ngừng với tốc độ cao.

2- Phát triển KTĐN của Thủ đô phải trên cơ sở giải quyết tốt mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng, đảm bảo lợi ích trước mắt và lâu dài, đặt lợi ích của Thủ đô trong quan hệ chặt chẽ với lợi ích của cả nước.

3- Phát triển KTĐN một cách tổng hợp bao gồm nhiều loại hình, đa phương hóa quan hệ thị trường và đối tượng hợp tác với sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế.

4- Phát triển KTĐN theo hướng xây dựng một cơ cấu kinh tế mở, khai thác các nguồn lực bên ngoài để nhân lên các sức mạnh bên trong, gắn định hướng phát triển KTĐN Thủ đô với nền kinh tế cả nước, đặc biệt là với tam giác phát triển Hà nội - Hải phòng - Quảng ninh.

5- Phát triển KTĐN phải gắn liền với bảo vệ môi trường và nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội.

II- ĐỊNH HƯỚNG CHUNG TRONG VIỆC ĐỔI MỚI CÁC HOẠT ĐỘNG KTĐN CỦA THỦ ĐÔ TRONG KHOẢNG 15 NĂM TỚI.

Luận án xây dựng định hướng chung trong việc đổi mới các hoạt động KTĐN của Hà nội như sau :

"Hà nội phải trở thành một trung tâm giao lưu quốc tế lớn của cả nước, một trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch ; một trung tâm có vai trò hàng đầu về phát triển KTĐN của các tỉnh phía Bắc, là hạt nhân thúc đẩy sự phát triển của các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng, trung du, miền núi ; cùng với Hải phòng - Quảng ninh tạo ra một vùng tam giác có nhịp độ phát triển cao về công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch và thu hút vốn đầu tư nước ngoài".

Định hướng nói trên được cụ thể hóa thành những nhiệm vụ chủ yếu sau :

II.1- Đổi mới cơ cấu ngành và cơ cấu công nghệ theo hướng năng động, có hiệu quả, phù hợp với thị trường thế giới và thị trường trong nước. thay thế hàng nhập khẩu, đẩy mạnh xuất khẩu với các ngành được chú ý là cơ khí, đồ điện gia dụng, ngành dệt, may, da giày, công nghiệp điện tử và chế biến nông sản. Đổi mới cơ cấu các hoạt động ngoại thương và dịch vụ thu ngoại tệ, mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả của chúng, trong đó ngoại thương Hà nội phải vươn ra phục vụ cho cả vùng Bắc bộ, thu hút nguồn hàng xuất khẩu trong vùng.

II.2- Xây dựng cơ cấu lãnh thổ phục vụ việc đổi mới các hoạt động KTĐN của Hà nội, trong đó sắp xếp và cơ cấu lại các khu công nghiệp tập trung hiện có theo hướng đầu tư chiều sâu, bảo vệ môi trường sinh thái. Hình thành các khu chế xuất và khu công nghiệp tập trung kỹ thuật cao, tạo

nền sức hút cho Thủ đô. Phát triển đô thị hóa, chỉnh trang và hiện đại hóa nội thành nhằm tạo nên bộ mặt mới cho Thủ đô.

II.3- Xây dựng cơ cấu thành phần kinh tế phục vụ đổi mới các hoạt động KTDN của Thủ đô.

III- CÁC CHÍNH SÁCH VÀ BIỆN PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ ĐỔI MỚI SỰ PHÁT TRIỂN KTDN CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI

III.1- Những điều kiện cần thiết có liên quan đến đổi mới sự phát triển KTDN ở Hà nội.

III.1.1- Bảo đảm sự ổn định về chính trị và kinh tế.

III.1.2- Phải có kết cấu hạ tầng đạt trình độ hiện đại, tạo được môi trường hấp dẫn cho các hoạt động KTDN ở Hà nội.

III.1.3- Đào tạo và bồi dưỡng cho giới kinh doanh và đội ngũ viên chức quản lý Nhà nước am hiểu khoa học - công nghệ hiện đại, biết làm ăn theo nguyên tắc và thông lệ của kinh tế thị trường trong nước và quốc tế.

III.2- Kiến nghị một số chính sách có liên quan đến việc đổi mới KTDN của Thủ đô Hà nội.

Luận án tập trung vào hai chính sách chủ yếu sau :

III.2.1- Chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài

Sớm khắc phục các nhược điểm trong quá trình triển khai luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam theo hướng lược bỏ những thủ tục rườm rà, phức tạp và thiếu tập trung, tăng thêm sự an tâm cho nhà đầu tư nước ngoài. Cụ thể là :

- Tăng cường biện pháp bảo đảm đầu tư cho người nước ngoài bằng cách : ký các Hiệp định song phương về bảo đảm đầu tư, tránh đánh thuế hai lần.

- Đơn giản hóa và tập trung vào một đầu mỗi việc cấp giấy phép đầu tư, giấy phép xây dựng và cấp đất. Nghiên cứu lại giá đất đai cho công nghiệp vì hiện nay còn khá cao.

- Xác định lại cách tính toán đền bù đất đai trong xây dựng các công trình công nghiệp lớn.
- Các loại thuế nên rõ ràng và đơn giản, dễ làm và nhất quán.
- Nên phân cấp việc cấp các giấy phép 5 triệu USD trở xuống (nếu dự án đầu tư vốn của nước ngoài không liên quan trực tiếp đến các Bộ , ngành Trung ương) cho tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Nhà nước cần có chính sách ưu đãi cho các nhà đầu tư nước ngoài vào Hà nội.
- Đơn giản hóa hơn nữa thủ tục xuất và nhập cảnh phù hợp với thông lệ quốc tế.

III.2.2- Chính sách xuất nhập khẩu (XNK)

- Thống nhất và thể chế hóa các luật XNK và các văn bản dưới luật.
- Thực hiện tự do hóa hoạt động XNK bằng luật pháp, hạn chế tiến tới hủy bỏ chế độ cấp quota cho việc xuất khẩu.
- Thực hiện chính sách nền kinh tế nhiều thành phần trong hoạt động XNK với các biện pháp đảm bảo cho các thành phần kinh tế được bình đẳng trong kinh doanh xuất - nhập khẩu.
- Khuyến khích hoạt động xuất khẩu bằng các chính sách hỗ trợ như giảm thuế xuất khẩu, lập quỹ trợ giá v.v... Động viên các nguồn vốn hướng vào sản xuất kinh doanh các mặt hàng có chất lượng cao phục vụ XK.

III.3- Những biện pháp chủ yếu trong tổ chức thực hiện để đổi mới hoạt động KTDN ở Thủ đô.

III.3.1- Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư nước ngoài.

a/ Trên cơ sở bổ sung hoàn chỉnh việc xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của Hà nội, ngành KTDN chủ động xây dựng các dự án tiềm khả thi kêu gọi đầu tư nước ngoài với các khu công nghiệp tập

trung mới. tiến hành các điều tra, khảo sát về địa chất, xây dựng, qui hoạch. phương án sản phẩm ... để làm cơ sở thuận lợi cho các nhà đầu tư.

b/ Có phương án giải phóng mặt bằng cụ thể khi triển khai dự án.

c/ Huấn luyện các đối tác Việt nam những kiến thức về luật pháp và kinh tế để đủ sức làm việc với đối tác nước ngoài.

d/ Có chính sách khuyến khích huy động vốn của phía Việt nam khi góp vốn với nước ngoài.

e/ Nâng cao hiệu quả quản lý các dự án sau khi cấp giấy phép thông qua nắm vững thông tin và xử lý kịp thời những vướng mắc trong quá trình triển khai.

III.3.2- Xúc tiến mở rộng xuất - nhập khẩu.

a/ Xây dựng các mặt hàng chủ lực đạt chất lượng cao để hướng sự cố gắng của các đơn vị xuất - nhập khẩu vào một chương trình chung.

b/ Khuyến khích tiếp thị bằng cách tổ chức hệ thống thông tin, đặt các văn phòng đại diện ở nước ngoài và nhiều hình thức phong phú khác.

c/ Tổ chức lại mạng lưới sản xuất - xuất nhập khẩu theo hướng mở rộng quyền cho các doanh nghiệp tự quyết định phương án sản xuất kinh doanh, xóa bỏ hình thức chủ quản cấp trên và chế độ giao chỉ tiêu kế hoạch "cứng" cho cơ sở.

d/ Thành lập một vài tập đoàn Công ty kinh doanh tổng hợp mạnh có đủ năng lực về vốn và về thị trường để xâm nhập thị trường thế giới.

e/ Tham gia vào các hiệp định thương mại quốc tế với các nước trên thế giới và khu vực.

III.3.3- Xúc tiến phát triển dịch vụ thu ngoại tệ

a/ Phát triển mạnh mẽ các hoạt động du lịch lữ hành theo các chương trình du lịch trọn gói.

b/ Phát triển các văn phòng, các khách sạn cho người nước ngoài thuê.

c/ Tăng cường chất lượng các khâu dịch vụ tài chính, ngân hàng, giao thông và bưu điện thu ngoại tệ.

d/ Mở các cửa hàng miễn thuế, các dịch vụ phục vụ đời sống thu ngoại tệ ...

III.3.4- Đổi mới tổ chức bộ máy quản lý hoạt động KTDN trên địa bàn Thủ đô.

Trên cơ sở phân biệt chức năng quản lý Nhà nước và quản lý kinh doanh tiến hành đổi mới tổ chức bộ máy quản lý KTDN theo hướng :

a/ Sở KTDN chỉ làm chức năng quản lý Nhà nước về mặt vĩ mô lĩnh vực KTDN, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tự chủ kinh doanh theo hành lang luật pháp.

b/ Bộ máy của Sở sau khi tổ chức lại thực hiện quản lý vĩ mô hoạt động kinh tế đối ngoại của tất cả các thành phần kinh tế.

c/ Thành lập Phòng thương mại Hà nội. Phòng này cũng có thể mở chi nhánh ở các địa phương khác trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ xúc tiến xuất nhập khẩu, xúc tiến kêu gọi đầu tư ...

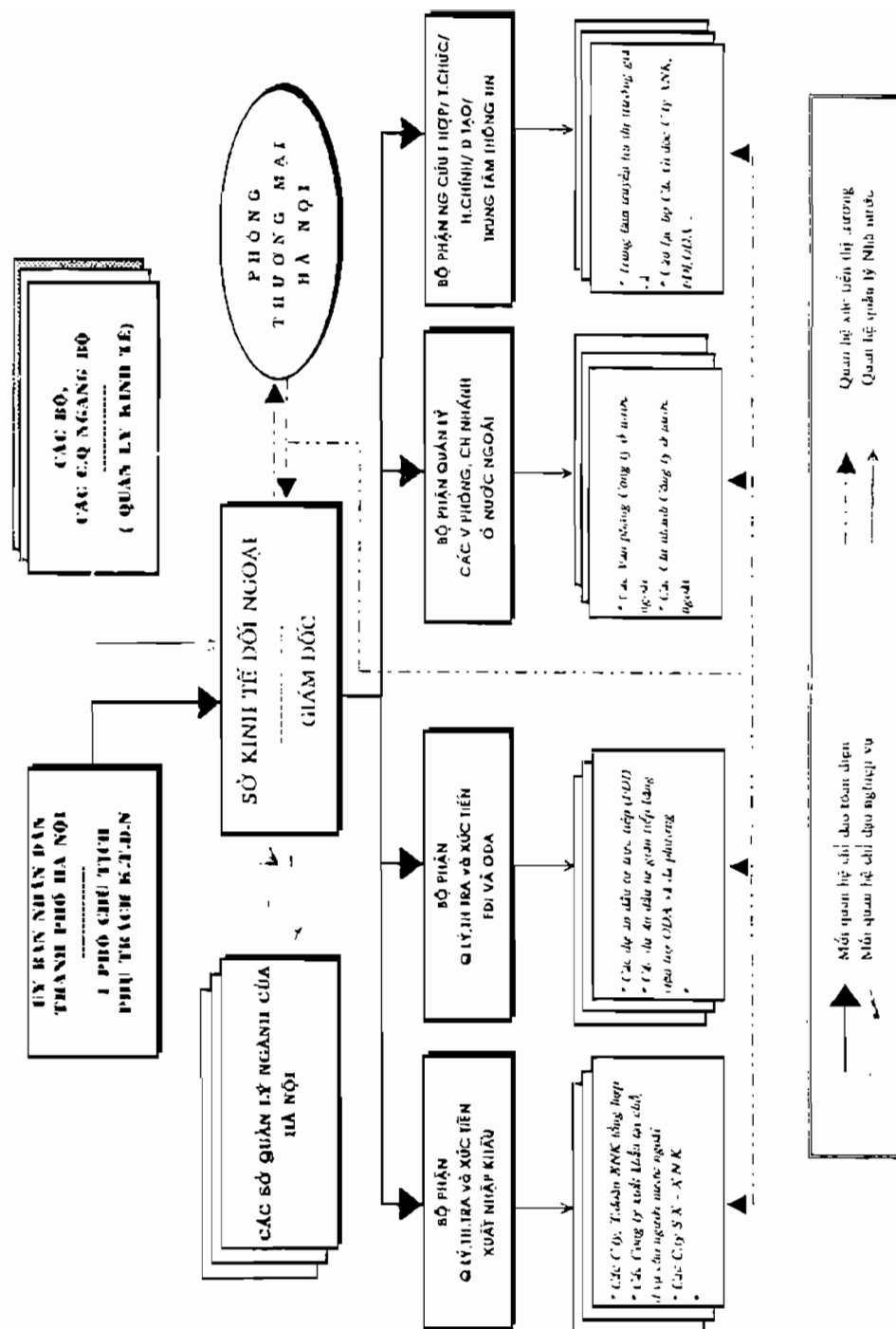
d/ Tiêu chuẩn hóa bộ máy sao cho tinh giản, giảm đầu mối, tiêu chuẩn hóa cán bộ, nâng cao năng lực chỉ đạo và điều hành.

e/ Đề nghị chuyển bộ phận xuất nhập cảnh và Lãnh sự sang Ban ngoại vụ Thành phố, thành lập thêm bộ phận quản lý các Văn phòng, Chi nhánh ở nước ngoài .

g/ Thiết lập mối quan hệ giữa Sở kinh tế Đối ngoại với các Bộ và Sở chuyên ngành trên lãnh thổ Hà nội về lĩnh vực quản lý vĩ mô KTDN.

h/ Thực hiện tốt việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ nhân viên làm công tác KTDN.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC KTDN HÀ NỘI



KẾT LUẬN

1- Luận án đã hệ thống hóa một số vấn đề lý luận có liên quan và tiến hành luận giải cơ sở khoa học và thực tiễn của việc đổi mới các hoạt động KTĐN ở Thủ đô Hà nội. nhấn mạnh nền tảng lâu dài cho việc phát triển vững chắc và có hiệu quả cao các hoạt động KTĐN chính là toàn bộ các hoạt động kinh tế - xã hội cũng như sự vững chắc về chính trị và an ninh quốc phòng ở Thủ đô.

2- Luận án đã phân tích thực trạng hoạt động KTĐN của Thủ đô, đánh giá những thành tựu bước đầu và những yếu kém với những nguyên nhân khách quan và chủ quan, những thách thức và vấn đề đặt ra cần giải quyết. Đồng thời luận án chỉ rõ khả năng và lợi thế so sánh trong việc phát triển KTĐN của Thủ đô trong thời gian tới.

3- Luận án đã đưa ra những kiến nghị sau đây :

- Xây dựng hệ quan điểm trong việc đổi mới các hoạt động KTĐN của Thủ đô gắn với đặc điểm và điều kiện cụ thể hiện nay.

- Kiến nghị về định hướng chung trong việc đổi mới các hoạt động KTĐN của Hà nội trong khoảng 15 năm tới là "Hà nội cần phải trở thành một trung tâm giao lưu quốc tế lớn của cả nước, một trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch ... Hà nội phải trở thành một trung tâm có vai trò hàng đầu về phát triển KTĐN của các tỉnh phía Bắc, cùng với Hải phòng và Quảng ninh, Hà nội cần tạo ra một vùng tam giác có nhịp độ phát triển cao về thương mại quốc tế, công nghiệp, du lịch, dịch vụ và thu hút đầu tư nước ngoài".

- Kiến nghị về đổi mới cơ cấu ngành, cơ cấu công nghệ và cơ cấu lãnh thổ của nền kinh tế Thủ đô theo hướng năng động, có hiệu quả, phù hợp với yêu cầu của thị trường thế giới và thị trường trong nước.

- Kiến nghị các chính sách và biện pháp chủ yếu để đổi mới các hoạt động KTĐN của Thủ đô bao gồm chính sách về thu hút vốn đầu tư nước ngoài, chính sách xuất - nhập khẩu trong điều kiện nền kinh tế nhiều thành phần cùng những biện pháp cụ thể về xúc tiến đầu tư nước ngoài, xúc tiến việc mở rộng xuất - nhập khẩu, xúc tiến phát triển các dịch vụ thu ngoại tệ.

- Kiến nghị đổi mới tổ chức bộ máy quản lý hoạt động KTĐN trên địa bàn Thủ đô theo hướng phân biệt rõ chức năng quản lý và chức năng kinh doanh, tinh giản đầu mối và biên chế, xác định rõ nhiệm vụ cụ thể và cơ chế điều hành phù hợp.

- Kiến nghị về đổi mới phương thức và nội dung đào tạo cán bộ làm việc trong lĩnh vực KTĐN với phẩm chất và trình độ chuyên môn cao, đặc biệt giáo dục tinh thần dân tộc cho đội ngũ cán bộ này.

4- Một số quan điểm của luận án đã được đăng tải trên 11 bài báo khoa học, được trao đổi ở nhiều Hội nghị có liên quan đến lĩnh vực KTĐN của Thủ đô và bước đầu được sự đồng tình ủng hộ của lãnh đạo Sở KTĐN Hà nội.

Các kiến nghị của luận án mang tính khả thi và nó xuất phát từ điều kiện cụ thể của Thủ đô Hà nội và bản thân, tác giả có điều kiện tham gia triển khai trực tiếp các kiến nghị này. Các tỉnh, thành phố khác có thể nghiên cứu vận dụng những kết quả trên vào điều kiện của địa phương mình để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động KTĐN.

**CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ.**

1. Nguyễn Quang Lân : Triển vọng đầu tư nước ngoài tại Hà nội. Tạp chí thương mại số tháng 6/1993.
2. Nguyễn Quang Lân : Một số vấn đề quản lý Nhà nước trong hoạt động KTDN Hà nội thời gian qua. Tạp chí Thương mại Seaprodex số tháng 7-1993.
3. Quang Minh (Nguyễn Quang Lân) : Có nhiều chính sách ưu đãi, số dự án tăng nhanh, nhưng ... Tạp chí Thương mại số tháng 10-1993.
4. Nguyễn Quang Lân : Một số suy nghĩ về hoạt động XNK Hà nội. Tạp chí Thương mại số 10-1993.
5. Nguyễn Quang Lân : Động lực nào đã thúc đẩy sự tăng trưởng đáng kể hoạt động KTDN Hà nội 1993. Tạp chí Thương mại số tháng 3-1994.
6. Nguyễn Quang Lân : Xuất nhập khẩu 1993 của Hà nội trên đà phát triển. Tạp chí Thương mại Seaprodex số 3-1993.
7. Nguyễn Quang Lân : Một số vấn đề về khu chế xuất trên thế giới và việc hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất tại Hà nội. Tạp chí nghiên cứu Kinh tế số 2-4-1994 Viện kinh tế học - TT khoa học xã hội và nhân văn.
8. Nguyễn Quang Lân : Một ngành kinh tế quan trọng của Thủ đô. Tạp chí Du lịch Việt nam, tháng 5-1994 Tổng cục Du lịch.
9. Nguyễn Quang Lân : Đầu tư trực tiếp vào Hà nội năm 1993 và đầu năm 1994 ... Tạp chí Thương mại Seaprodex. Số tháng 1-1994.
10. Nguyễn Quang Lân : Hướng phát triển KTDN của Hà nội trong thời gian tới. Tạp chí Thương mại số 4-1994.
11. Nguyễn Quang Lân : Biến động của thị trường SNG và ảnh hưởng của nó đối với hoạt động XNK của Hà nội. Sách "Thị trường Nga và các doanh nghiệp Việt nam". NXB Khoa học xã hội - TT nghiên cứu SNG đồng chủ. Hà nội 1994.